

QUAN HỆ CỦA ASEAN VỚI BA NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG

PHẠM QUANG MINH*

1. Đặt vấn đề

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được chính thức thành lập vào ngày 8/8/1967 với 5 thành viên ban đầu bao gồm Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan. Đến nay, sau 40 năm tồn tại và phát triển, ASEAN đã trở thành một tổ chức khu vực với 10 quốc gia thành viên, có tổng dân số khoảng 500 triệu người, với diện tích 4,5 triệu km², tổng GDP khoảng 700 triệu USD và trị giá trao đổi thương mại lên tới 850 tỷ USD.

Theo đánh giá của Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan, “Hiện nay, ASEAN không những là một thực thể có tổ chức tốt, không thể thiếu được, mà còn là sức mạnh vượt ra khỏi phạm vi khu vực phải được tính đến. Đồng thời, ASEAN cũng là một đối tác tin cậy của Liên hợp quốc trong lĩnh vực phát triển”⁽¹⁾.

ASEAN sẽ không có được vị thế của ngày hôm nay nếu như tổ chức này không mở rộng và kết nạp được các thành viên là

ba nước ở bán đảo Đông Dương. Hay nói cách khác, người ta không thể hình dung ra một ASEAN mà không có ba nước Đông Dương. Có thể nói, ba nước Đông Dương đã tạo ra một diện mạo mới cho ASEAN. Với việc kết nạp ba nước Đông Dương và Mianma, ASEAN đã chấm dứt sự chia rẽ hàng thập kỷ giữa các nước trong cùng một khu vực, vốn gần nhau về địa lý, cùng chia sẻ những giá trị văn hoá và lịch sử chung. Tuy nhiên, cho đến nay mối quan hệ giữa ASEAN và ba nước Đông Dương vẫn còn là vấn đề được nhắc đến ở các mức độ và bình diện khác nhau. Bài viết này vì thế sẽ phân tích mối quan hệ này để trả lời cho câu hỏi ASEAN có ý nghĩa như thế nào đối với ba nước Đông Dương và ngược lại.

1. Quan hệ an ninh - chính trị

Có thể nói, thành công của ASEAN không chỉ thể hiện ở cam kết của các nước thành viên trong việc không sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực, mà còn ngăn chặn được

* TS. Phạm Quang Minh Trường Đại học KHXH & NV, Đại học QGHN

các cuộc chiến tranh xảy ra giữa họ. Đặc biệt, uy tín và ảnh hưởng của ASEAN còn được thừa nhận và đánh giá cao, khi Hiệp hội thành công trong việc giải quyết xung đột ở Campuchia.

Bắt đầu từ khi miền Nam Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, các lực lượng Khmer Đỏ đã tiến hành hàng loạt các cuộc tấn công dọc biên giới Tây Nam của Việt Nam ở các tỉnh Tây Ninh, An Giang, Gia Lai... Sau nhiều lần phản đối kết hợp với kêu gọi đàm phán nhằm tìm ra giải pháp hoà bình cho những bất đồng lãnh thổ giữa Việt Nam và Campuchia không có kết quả, tháng 12/1978, quân đội Việt Nam buộc phải tiến hành một “cuộc chiến tranh bắt buộc”, vừa bảo vệ Tổ quốc vừa giúp sức cho lực lượng cách mạng Campuchia chân chính⁽²⁾. Tuy nhiên, hành động nhân đạo của Việt Nam nhằm giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng của Pôlốt - Iêngxari bị các nước ASEAN coi là vi phạm nguyên tắc không can thiệp và không sử dụng vũ lực trong quan hệ giữa các quốc gia. Cũng theo ASEAN, nguy hiểm hơn, hành động của Việt Nam còn kéo theo nguy cơ mở rộng xung đột và sự phức tạp bởi có sự tham gia của các cường quốc ngoài khu vực như Mỹ, Liên Xô và Trung Quốc. Đứng trước tình hình đó, các nước ASEAN đã có quan điểm khác nhau về vấn đề này. Quan điểm thứ nhất đại diện bởi Indônêxia và Malaixia cho rằng ASEAN nên thực hiện đường lối “ngoại giao dàn xếp” (diplomacy of accommodation) nhằm

giải quyết xung đột nội bộ, trong đó vai trò của các cường quốc bên ngoài khu vực bị hạn chế tới mức tối đa. Trong khi đó, Thái Lan và Xingapo lại đại diện cho quan điểm thứ hai cho rằng ASEAN nên thực hiện chiến lược đối kháng, đẩy Việt Nam vào tình trạng cô lập với cộng đồng quốc tế, hao tổn về mọi mặt thông qua sự sa lầy ở Campuchia⁽³⁾.

Rõ ràng, đây là một quá trình dài nhằm giải quyết xung đột lợi ích giữa các bên. Tháng 3/1980, Indônêxia và Malaixia đề nghị “nguyên tắc Kuantan” nhằm “mặc cả” giữa lợi ích an ninh của ASEAN và Việt Nam⁽⁴⁾. Theo đó, Việt Nam phải giữ khoảng cách trong quan hệ với Liên Xô, đổi lại ASEAN sẽ thừa nhận lợi ích an ninh hợp pháp của Việt Nam ở Đông Dương. Tuy nhiên, đến tháng 6/1980, ASEAN đã xem xét lại quan điểm của họ, với yêu cầu Việt Nam phải rút toàn bộ quân đội của mình khỏi Campuchia. Sự thay đổi quan điểm của ASEAN có lẽ xuất phát từ tình hình chiến sự căng thẳng ở Campuchia, từ những biểu hiện quan hệ chặt chẽ giữa Việt Nam và Liên Xô và có lẽ cũng vì sự tăng cường quan hệ Trung Quốc với các nước thành viên của ASEAN, đặc biệt là Thái Lan và Xingapo. Như đã trình bày ở trên, đây thực sự là quá trình đấu tranh giữa hai quan điểm “mềm mỏng” và “cứng rắn” trong nội bộ ASEAN.

Bước đi khởi đầu đánh dấu sự chuyển biến theo chiều hướng tích cực trong quan hệ chính trị giữa ASEAN và Việt Nam được thể hiện bằng chuyến thăm của Ngoại trưởng Indônêxia Mochtar đến Việt

Nam vào tháng 4/1982 nhằm trao đổi với các đồng sự Việt Nam một giải pháp cho vấn đề Campuchia. Chuyến đi có ý nghĩa lớn khi mà Việt Nam đang bị cô lập trên trường quốc tế và cũng đang mong muốn tìm kiếm một giải pháp chính trị cho xung đột đã quá kéo dài và phức tạp ở nước láng giềng phía Tây Nam. Kết quả của chuyến thăm này và chuyến thăm tiếp theo của Mochtar vào tháng 7/1987 là việc ASEAN và Việt Nam đồng ý tổ chức những cuộc gặp gỡ không chính thức tại Jakarta (JIM), để các bên Campuchia thương lượng chấm dứt xung đột. Sau khi JIM I (7/1988) và JIM II (2/1989) được tổ chức thành công và nhất là sau khi Việt Nam rút toàn bộ quân đội của mình khỏi Campuchia (9/1989), thì vấn đề Campuchia chỉ còn là câu chuyện thời gian. Tuy nhiên, ngay cả lúc đó, sự chia rẽ và hoài nghi về việc cải thiện quan hệ với ba nước Đông Dương vẫn còn ám ảnh và bao trùm các nước trong khu vực. Chuyến thăm đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia các nước ASEAN đến Việt Nam là của Tổng thống Indônêxia Suharto diễn ra vào năm 1990 vì thế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó là bằng chứng cho sự hoà giải ASEAN-Việt Nam. Nó khẳng định xu thế đối thoại, hoà bình và ổn định của khu vực và thế giới. Nó chứng tỏ sự thắng thế của chủ trương “ngoại giao dàn xếp”, mềm mỏng trong ASEAN. Nhưng nó cũng không được một số thành viên ASEAN (Xingapo) ủng hộ. Hội nghị Hoà bình Paris về Campuchia tháng 10/1991 đã mở ra một giai đoạn mới cho sự phát triển của

Campuchia nói riêng, cho quan hệ ASEAN với ba nước Đông Dương nói chung. Nhân tố quyết định cho thắng lợi này phải được chia đều cho cả ASEAN và Việt Nam. Quan hệ chính trị giữa Việt Nam và ASEAN được thể hiện qua hàng loạt chuyến viếng thăm cấp cao của cả hai phía. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/1991 đến tháng 3/1992, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã lần lượt đi thăm các nước ASEAN. Việt Nam cũng đón tiếp Thủ tướng Thái Lan tháng 1/1992. Tháng 4 năm đó, Việt Nam đón cả Mahathir và Lý Quang Diệu.

Sau những sự kiện chính trị đó, ASEAN cũng nhận ra rằng, không chỉ có các nước Đông Dương cần hoà bình, ổn định, hợp tác, mà chính bản thân ASEAN cũng có nhu cầu đó. Lý do đơn giản là “vì bài học mà Đông Á rút ra từ 40 năm qua là chiến tranh không sinh lợi”⁽⁵⁾. Thông cáo chung của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 4 tháng 1/1992 tại Xingapo khẳng định: “Sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết, ASEAN nên tiến tới một quan hệ gần gũi hơn dựa trên tình hữu nghị và hợp tác với các nước Đông Dương”⁽⁶⁾. Bằng nỗ lực của mình, Việt Nam, Lào, Campuchia đã lần lượt trở thành thành viên của ASEAN vào các năm 1995, 1997 và 1999. Đặc biệt, sự kiện Việt Nam được kết nạp vào ASEAN thực sự đã trở thành một đề tài thảo luận với nhiều cách tiếp cận. Đối với ASEAN, việc kết nạp Việt Nam vào ASEAN có làm cho cán cân của tổ chức này trở nên thăng bằng hơn trong quan hệ với các nước lớn

không, đặc biệt trong quan hệ với Trung Quốc xung quanh tranh chấp ở quần đảo Trường Sa? Liệu việc kết nạp Việt Nam có gây khó khăn cho việc tìm kiếm sự đồng thuận trong các cuộc thảo luận về những vấn đề quan trọng của tổ chức không, khi mà số thành viên tăng lên. Liệu nền kinh tế lạc hậu, kém phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi của ba nước Đông Dương có làm chậm tiến trình xây dựng khu vực mậu dịch tự do ASEAN không? Liệu hệ tư tưởng có còn là rào cản trong quan hệ giữa ba nước Đông Dương và phần còn lại của ASEAN không? Đối với ba nước Đông Dương, việc trở thành thành viên ASEAN có giúp thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), mở rộng thị trường và thúc đẩy quá trình cải cách nội tại ở ba nước không? Liệu tấm thẻ thành viên ASEAN có giúp cho an ninh của ba nước được bảo đảm không? Cho dù thế nào đi chăng nữa, cả ASEAN lẫn ba nước Đông Dương đều nhận thấy lợi ích của mình và đó là một quyết định đúng đắn, sáng suốt cho cả hai phía, có ý nghĩa quyết định đối với tiến trình hội nhập khu vực.

2. Quan hệ kinh tế

Việc giải quyết xung đột ở Campuchia chứng tỏ sự thống nhất, nhưng cũng đa dạng về quan điểm và cách tiếp cận của các nước thành viên ASEAN. Cũng tương tự như vậy, sau khi vấn đề chính trị được giải quyết, giữa các nước ASEAN cũng có sự cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với một Đông Dương mới. Xuất phát điểm của sự không thống nhất này chính là quan

điểm của Thái Lan về một "Suwannaphum" (bán đảo vàng), khi đề cập tới tương lai của Đông Dương thời kỳ hội nhập. Nói tới kế hoạch đó, người ta thường nhớ đến câu nói nổi tiếng của Thủ tướng Thái Lan Chatichai Choonhavan: "Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường"⁽⁷⁾. Tuyên bố này của Thái Lan đã gây ra sự ngờ vực của Xingapo và Indônêxia, khi cho rằng Thái Lan có ý định "tập hợp lực lượng" của Đông Nam Á lục địa để cạnh tranh với một Đông Nam Á hải đảo.

Trong quan hệ kinh tế nói chung, giữa ASEAN và ba nước Đông Dương nói riêng, trao đổi thương mại là một loại hình hợp tác kinh tế chủ yếu, đóng vai trò quan trọng. Đối với cả ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, phát triển thương mại và quan hệ thương mại, bao hàm một khía cạnh quan trọng là tự do hoá thương mại. Khái niệm này gồm một số nội dung chủ yếu như sự chuyển đổi từ chế độ bảo hộ mậu dịch sang nền thương mại tự do hơn, chuyển nền thương mại hướng tới những khu vực tiền tệ có thể hoán đổi được và sự cần thiết hình thành các thị trường và thể chế.

Nhìn chung, trao đổi thương mại giữa ASEAN và ba nước Đông Dương tăng lên rõ rệt kể từ khi ba nước này trở thành thành viên của Hiệp hội. Trước hết, đối với Việt Nam, những số liệu thống kê cho thấy, nếu như năm 1988 Việt Nam mới chỉ xuất khẩu sang các nước ASEAN một khối lượng hàng hoá có tổng giá trị là

101.1 triệu Đô la Mỹ, thì con số này đã tăng lên 5 tỷ vào năm 2005. Cũng tương tự như vậy, nhập khẩu của Việt Nam từ các nước ASEAN đã tăng từ 32.3 triệu Đô la Mỹ năm 1980 lên 9 tỷ Đô la Mỹ năm 2005. Trong khoảng thời gian này, tỷ trọng của ASEAN tăng từ 5% lên 55% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam⁽⁸⁾.

Những số liệu thống kê về trao đổi thương mại của Lào với các nước ASEAN cũng cho thấy một xu hướng tương tự. Nếu như năm 1980 Lào mới xuất sang các nước ASEAN một lượng hàng hoá có tổng giá trị là 4,48 triệu đô la Mỹ, thì năm 2005 giá trị này đã tăng lên 147,6 triệu đô la Mỹ. Cũng trong khoảng thời gian này, nhập khẩu của Lào từ các nước ASEAN đã tăng từ 69,38 triệu đô la Mỹ năm 1980 lên 362,4 triệu đô la Mỹ năm 2005⁽⁹⁾.

Mặc dù, trao đổi thương mại giữa ASEAN và ba nước Đông Dương có tăng lên kể từ khi ba nước Đông Dương trở thành thành viên của Hiệp hội, nhưng một điểm chung dễ nhận thấy là giá trị trao đổi của ba nước với Hiệp hội còn rất khiêm tốn và nhìn chung là nhỏ hơn so với giá trị trao đổi với các nước ngoài ASEAN trừ trường hợp Lào. Nếu như giá trị xuất khẩu của Lào sang các nước ASEAN chiếm tới 84,8% tổng giá trị xuất khẩu của Lào năm 2005, thì giá trị này ở Việt Nam là 17,6% và ở Campuchia chỉ là 4,7%. Cũng tương tự như vậy, năm 2005 ASEAN chiếm tới 51,6% tổng giá trị nhập khẩu của Lào, trong khi con số này ở Việt Nam là 27,4% và ở Campuchia là 36,4%⁽¹⁰⁾. Bảng 1 trang bên cho thấy bức

tranh toàn cảnh về tình hình thương mại nội ngoại khối của ba nước Đông Dương.

Trong quan hệ kinh tế, bên cạnh trao đổi thương mại, hợp tác trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp cũng là một khía cạnh quan trọng khác của quan hệ ASEAN và ba nước Đông Dương. Trước hết, cần phải nói rằng, để hợp tác trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp có hiệu quả, ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia đã tiến hành hàng loạt những biện pháp nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý, cơ cấu tổ chức, chế độ thuế ưu đãi đối với các nhà đầu tư. Năm 1987, lần đầu tiên Việt Nam đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài, với nhiều điều khoản ưu đãi. Nhìn chung, các nhà đầu tư được đầu tư vào hầu như tất cả các lĩnh vực, với các loại hình khác nhau, nhưng không được quyền sở hữu đất đai. Đặc biệt, để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, nhiều khu chế xuất được hình thành với những ưu đãi đặc biệt về thuế, có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy nền kinh tế, giải quyết việc làm và chuyển giao công nghệ.

Không giống như trao đổi thương mại, trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam cũng như Lào và Campuchia phụ thuộc nhiều vào các nước công nghiệp mới (NIEs) hơn là vào các nước ASEAN. Nếu như năm 1995, các nước ASEAN đầu tư vào Việt Nam một giá trị là 387 triệu đô la Mỹ thì năm 2004, giá trị này là 242,9 triệu đô la Mỹ. Tình trạng cũng diễn ra tương tự như vậy đối với Lào và Campuchia. Nếu như năm 1995, tổng giá trị đầu tư của các nước ASEAN vào Lào là 7 triệu đô la Mỹ thì năm 2004, con số này

Bảng 1
Thương mại nội và ngoại khối của ba nước Đông Dương năm 2005 (đơn vị: triệu USD)

| NƯỚC | XUẤT KHẨU | | | | NHẬP KHẨU | | | | TỔNG GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI | | | |
|-----------------|----------------|----------------|------------------|----------------|----------------|----------------|------------------|----------------|-------------------------|----------------|------------------|----------------|
| | Nội khối ASEAN | | Ngoại khối ASEAN | | Nội khối ASEAN | | Ngoại khối ASEAN | | Nội khối ASEAN | | Ngoại khối ASEAN | |
| | Giá trị | So với cả nước | Giá trị | So với cả nước | Giá trị | So với cả nước | Giá trị | so với cả nước | Giá trị | So với cả nước | Giá trị | So với cả nước |
| Việt Nam | 5030,9 | 17,6 | 23545,6 | 82,4 | 8937,7 | 27,4 | 23656,2 | 72,6 | 13968,6 | 22,8 | 47201,8 | 77,2 |
| Lào | 147,6 | 84,8 | 26,5 | 15,2 | 362,4 | 51,6 | 339,5 | 48,4 | 510,0 | 58,2 | 365,9 | 41,8 |
| CPC | 144,5 | 4,7 | 2947,0 | 95,3 | 1026,8 | 36,4 | 1797,9 | 63,6 | 1171,3 | 19,8 | 4744,9 | 80,2 |

Nguồn ASEAN Trade Database

Bảng 2
Dòng vốn FDI từ các nước ASEAN vào ba nước Đông Dương

| Nước Năm | 1995 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 |
|-------------|------|------|------|-------|-------|
| Campuchia | 0 | 9 | 20 | 32 | 129,2 |
| Lào | 7 | 8 | 3 | 8 | 6,7 |
| Việt Nam | 387 | 200 | 100 | 242,9 | 164,7 |

Nguồn: ASEAN Statistical Pocketbook 2006; (đơn vị: triệu USD).

là 7,8 triệu đô la Mỹ. Bảng 2 cho thấy dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài từ ASEAN vào ba nước Đông Dương giai đoạn 1995-2005.

Với một giá trị đầu tư không lớn lắm vào ba nước Đông Dương như đã thấy ở Bảng 2, tỷ trọng đầu tư trực tiếp của các nước ASEAN vào Campuchia và Việt Nam trong giai đoạn từ 1995-2004 rất thấp, chỉ chiếm tương ứng là 5,6% và 18,1% tổng giá trị đầu tư trực tiếp nước ngoài ở hai nước này. Riêng Lào, tỷ trọng đầu tư trực tiếp của ASEAN đạt 51,7% tổng giá trị đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nước này⁽¹¹⁾.

Một vài nhận xét thay cho kết luận

Từ những phân tích trên đây, có thể rút ra một số nhận xét về tầm quan trọng của ASEAN đối với ba nước Đông Dương. Nhìn chung, việc ba nước Đông Dương được kết nạp vào ASEAN là một quyết định đúng đắn của cả hai phía. Sự kiện đó

phản ánh nhu cầu hoà bình, ổn định và hợp tác của tất cả các quốc gia trong khu vực và là thắng lợi của chính trị hội nhập ở giai đoạn hậu chiến tranh lạnh. Một khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển của cả Hiệp hội cũng như mỗi thành viên. Uy tín và vị thế của ASEAN và các thành viên trong các tổ chức, diễn đàn, đối thoại đều được nâng lên rõ rệt.

Đối với ba nước Đông Dương, các lợi ích khi trở thành thành viên ASEAN bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau.

Về chính trị-ngoại giao: tám thể thành viên ASEAN cho phép Việt Nam, Lào và Campuchia có được một vị thế cao hơn, chắc chắn hơn trong đối thoại và hợp tác quốc tế. Với tư cách là thành viên ASEAN, ba nước Đông Dương có được tiếng nói có trọng lượng hơn trong cộng đồng quốc tế.

Về kinh tế: ba nước Đông Dương cũng có được lợi ích từ những cơ hội tăng cường khả năng hợp tác với các nước trong khu

vực và từ các nước thành viên ASEAN. Trao đổi thương mại, FDI, vốn, lao động... là những lợi ích mà các nền kinh tế chuyển đổi của ba nước Đông Dương đều rất cần thiết.

Về kinh nghiệm và mô hình: các nền kinh tế năng động và tiên tiến hơn của các nước ASEAN chắc chắn sẽ tạo ra những tác động tích cực lan truyền đối với các nền kinh tế kém phát triển hơn của ba nước Đông Dương. Với tư cách là những nước xuất phát chậm hơn trong tiến trình phát triển kinh tế, các nước Đông Dương cũng có thể học tập các kinh nghiệm phát triển từ các nước ASEAN và lựa chọn cho mình một mô hình phát triển phù hợp và tương thích.

• *Đối với ASEAN*, sự tham gia của ba nước Đông Dương vào quá trình tự do hoá thương mại và đầu tư khu vực đã tạo ra những cơ hội làm ăn cho chính các nước thành viên của Hiệp hội vì đây là một thị trường giàu tiềm năng còn chưa được khai phá.

Việc kết nạp ba nước Đông Dương cũng mở rộng quy mô của AFTA với tư cách là một thị trường khu vực thống nhất rộng lớn, qua đó sẽ thúc đẩy mối quan tâm của các nước ngoài khu vực đối với ASEAN.

Tuy nhiên, những thách thức mà ASEAN sẽ phải đối mặt cũng không phải là nhỏ. Một trong những thách thức đó là khoảng cách trong sự phát triển giữa các nước thành viên cũ và mới của ASEAN. Điều đó sẽ làm cho quá trình hội nhập khu vực chắc chắn sẽ khó khăn hơn. Điều

này sẽ kéo theo những trở ngại thách thức mới. Sự đồng thuận sẽ khó đạt được, một khi có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế. Việc trì hoãn thực hiện các chỉ số của các nước kém phát triển sẽ ảnh hưởng đến tốc độ hoàn thành các kế hoạch chung. Các mâu thuẫn lợi ích qua đó có thể sẽ bùng phát.

Hy vọng rằng, ASEAN với kinh nghiệm của 40 năm tồn tại và cách thức hành động mềm dẻo, linh hoạt của mình, sẽ phát huy được cơ hội, hạn chế được thách thức, đưa cả Hiệp hội tiến về phía trước./.

CHÚ THÍCH

1. Asean Secretariat
2. Đại tá Nguyễn Văn Hồng, *Cuộc chiến tranh bất buộc*, NXB Trẻ 2004, tr.11.
3. Amitav Acharya, *Constructing Security Community in Southeast Asia-Asean and the problem of regional order*, Routledge, London 2001, tr. 81-82.
4. Amitav Acharya, sdd, tr.84.
5. Lý Quang Diệu, Lý Quang Diệu, *Bí quyết hoá rồng - Lịch sử Xingapo 1965-2000*, NXB Trẻ 2001, tr.317.
6. ASEAN Secretariat 1992.
7. Leszek Buszynski, "New Aspirations and old Constrains in Thailand's Foreign Policy", *Asian Survey*, Vol.29, No.11 (November 1989), tr. 1057-1072.
8. ASEAN Statistical Pocketbook 2006.
9. ASEAN Secretariat
10. ASEAN Secretariat
11. ASEAN Statistical Pocketbook 2006.